

子どもの人権侵害・男女平等にかかわる 人権侵害についての相談・救済申立ては 川崎市人権オンブズパーソンへ

어린이 인권 및 남녀 평등의 침해와 관련된 문제나 고충이 있으시면 가와사키시 시민 옴부즈만 프로그램과 상담하여 불만이나 소송을 처리하십시오.

你或者在你的身旁发生了侵犯儿童人权·侵犯男女平等的人权问题时，你可以咨询川崎市人权监察机构，并可以进行申诉。

If you have any troubles or concerns regarding the violation of children's human rights and gender equality, please contact the Kawasaki City Human Rights Ombudsperson Program for consultation, claim relief and assistance.

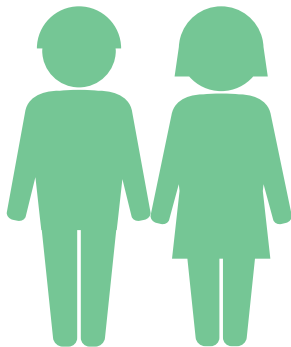
Para consultas y solicitudes de asistencia sobre vulneraciones de los derechos humanos de los niños y violaciones relacionadas con la igualdad de género, comuníquese con el Defensor de los Derechos Humanos de la Ciudad de Kawasaki.

Se você tiver algum problema, preocupação ou reclamação com respeito à violação dos direitos humanos de crianças e igualdade de sexo, consulte o Programa de Mediação em Assuntos de Direitos Humanos da Cidade de Kawasaki.

Mọi yêu cầu tư vấn và trợ giúp liên quan đến vi phạm nhân quyền đối với trẻ em và vi phạm nhân quyền liên quan đến quyền bình đẳng giới, vui lòng liên hệ Văn phòng thanh tra nhân quyền thành phố Kawasaki

Para sa mga konsultasyon at kahilingan para sa lunas patungkol sa paglabag sa karapatang pantao ng mga bata at paglabag sa karapatang pantao na may kaugnayan sa pagkakapantay-pantay ng kasarian, mangyaring makipag-ugnayan sa Kawasaki City Human Rights Ombudsperson.

子どもの人権侵害



☎ 0120-813-887 (子ども専用・通話料無料)

☎ 044-200-1460 (大人の方向)

男女平等にかかわる 人権侵害



☎ 044-200-1461

川崎市人権オンブズパーソン制度

가와사키시 시민 옴부즈만 프로그램

川崎市人权监察机构

Kawasaki City Human Rights Ombudsperson Program

Sistema de Defensoría de los Derechos Humanos de la Ciudad de Kawasaki

Programa de Mediação em Assuntos de Direitos Humanos da Cidade de Kawasaki

Hệ thống thanh tra nhân quyền thành phố Kawasaki

Sistema ng Kawasaki City Human Rights Ombudsperson



KAWASAKI CITY

人権オンブズパーソンとは何ですか

人権オンブズパーソンは子どもや男女平等にかかわる市民の人権侵害に対して、簡易に安心して相談や救済の申立てができる川崎市の条例に基づく人権の救済機関で、人権侵害の相談や救済の申立てを受けます。



■ 시민 옴부즈만 프로그램은 어떠한 역할을 하는가 ?

인권 옴부즈퍼슨은 어린이와 남녀 평등에 관련된 시민의 인권 침해에 대해, 간편하고 안전하게 상담하거나 구제 신청을 할 수 있는 가와사키시의 조례에 근거한 인권 구제 기관으로, 인권 침해 상담이나 구제 신청을 받습니다.

■ 人权监察机构是做什么的？

人权监察机构的职责是保护川崎市市民的人权，我们受理有关侵犯儿童权益和男女平等权益方面的市民的咨询申诉和补救，如果你遇到侵犯人权的问题，请随时向人权监察员提出申诉。

■ What is the Human Rights Ombudsperson Program?

It is an organization serving to protect the human rights of people in Kawasaki City, established on the basis of a city ordinance. It is a relief system, receiving complaints and claims relating to the human rights of children and gender equality. If you have any troubles relating to the violation of human rights, please feel free to consult with the ombudsperson program.

■ ¿Qué es la Defensoría de los Derechos Humanos?

La Defensoría de los Derechos Humanos es un organismo de asistencia establecido por la ordenanza de la Ciudad de Kawasaki para garantizar que los ciudadanos puedan realizar consultas y presentar solicitudes de asistencia de manera sencilla y segura en casos de violaciones de los derechos humanos de los niños o relacionadas con la igualdad de género. Este organismo está encargado de atender consultas y recibir solicitudes de asistencia en casos de vulneración de derechos humanos.

■ O que é o Programa de Mediação em Assuntos de Direitos Humanos?

É uma organização estabelecida pela lei municipal da cidade de Kawasaki. O programa é formado por um grupo de mediadores que atuam para proteger os direitos humanos dos cidadãos de Kawasaki. O grupo recebe reclamação e críticas relacionadas à violação dos direitos humanos de crianças e igualdade de sexo. Se você tiver algum problema relacionado com direitos humanos, não hesite em consultar o grupo de mediadores.

■ Thanh tra nhân quyền là gì?

Thanh tra nhân quyền là cơ quan bảo vệ quyền con người của thành phố Kawasaki, được thành lập dựa trên các quy định của thành phố nhằm tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo sự an tâm cho công dân khi yêu cầu tư vấn hoặc trợ giúp đối với các hành vi xâm phạm nhân quyền liên quan đến trẻ em và bình đẳng giới. Cơ quan này tiếp nhận các yêu cầu tư vấn cũng như đơn đề nghị hỗ trợ về các trường hợp vi phạm nhân quyền.

■ Ano ang Human Rights Ombudsperson?

Ang Human Rights Ombudsperson ay isang institusyong nagtataguyod ng karapatang pantao na itinatag alinsunod sa mga regulasyon ng Lungsod ng Kawasaki. Layunin nitong magbigay ng isang madali at ligtas na paraan para sa mga mamamayan na kumonsulta o magsumite ng mga kahilingan para sa tulong kaugnay ng mga paglabag sa karapatang pantao, partikular na may kinalaman sa mga bata at pagkakapantay-pantay ng kasarian.

どのような相談や救済の申立てができますか

- 1 子どもへのいじめ・虐待・学校とのトラブルなど、子どもの人権に関する侵害がある場合
- 2 性差別・セクハラ・配偶者からの暴力（ドメスティック・バイオレンス「DV」）など、男女平等にかかわる人権の侵害がある場合
- 3 相談の内容によっては、取り扱うことや調査ができないことがあります。

■ 어떠한 종류의 불만과 소송을 제기할 수 있는가 ?

- 1 학교 생활에서의 집단 따돌림, 학대, 고충 등을 비롯하여 기타 어린이 인권 침해와 관련된 문제들.
- 2 성희롱 배우자 또는 파트너에 의한 폭력 (가정 내 폭력 (DV)) 을 비롯하여 남녀 평등 침해와 관련된 기타 문제.
- 3 문제의 성질에 따라서는 소송이 받아들여지지 않거나 조사가 바르지 않을 수도 있습니다.

■ 对什么样的问题可以提出申诉和咨询呢？

- 1 虐待和欺侮儿童的问题，与学校之间发生问题等有关侵犯儿童权益的问题。
- 2 歧视男女性别 配偶者施加暴力（家庭暴力 [DV]）等关于男女平等侵犯人权问题。
- 3 根据实际问题来判断，也许有些问题不能受理，或调查。

■ What kinds of complaints and claims can be lodged?

- 1 Child bullying and abuse: school troubles and other problems relating to violation of children's human rights.
- 2 Sexual harassment, violence by spouse or partner (domestic violence [DV]) and other problems relating to violation of gender equality.
- 3 Certain claims may not be accepted or investigated depending on the nature of the problem.

■ ¿Qué tipo de consultas y solicitudes de asistencia se pueden realizar?

- 1 Cuando se produzcan vulneraciones de los derechos de los niños, como hostigamiento escolar (bullying), abuso infantil o conflictos con la escuela.
- 2 Cuando haya violaciones de los derechos relacionados con la igualdad de género, como discriminación por razón de género, acoso sexual o violencia por parte de la pareja (violencia doméstica – "DV").
- 3 Dependiendo del tipo de caso, puede haber situaciones en las que no sea posible intervenir o llevar a cabo una investigación.

■ Que tipos de reclamações e problemas podem ser tratados?

- 1 Abuso e maltrato de crianças, problemas na escola e outros problemas relacionados com os direitos humanos de crianças.
- 2 Discriminação de sexo, assédio sexual, violência de cônjuges (violência doméstica [DV]) e outros problemas relacionados com a violação de igualdade de sexo.
- 3 Certas reclamações podem não ser aceitas ou investigadas dependendo da natureza do problema.

■ Có thể yêu cầu tư vấn hoặc nộp đơn đề nghị trợ giúp trong trường hợp nào?

- 1 Khi có hành vi xâm phạm nhân quyền liên quan đến trẻ em chẳng hạn như bắt nạt, lạm dụng, vấn đề tại trường học, v.v...
- 2 Khi có hành vi xâm phạm bình đẳng giới, như phân biệt giới tính, quấy rối tình dục, bạo lực từ người giám hộ (bạo lực gia đình "DV"), v.v...
- 3 Tùy vào nội dung của tư vấn, có thể sẽ không thể xử lý hoặc tiến hành điều tra.

■ Anong mga uri ng konsultasyon at mga kahilingan para sa lunas ang maaaring gawin?

- 1 Mga kaso na sangkot ng mga paglabag sa karapatang pantao ng mga bata, tulad ng pambu-bully, pang-aabuso, o hindi pagkakasundo sa paaralan.
- 2 Mga kaso na sangkot ng mga paglabag sa karapatang pantao na may kaugnayan sa pagkakapantay-pantay ng kasarian, tulad ng diskriminasyon sa kasarian, seksual na panliligalig, o karahasan sa tahanan (DV).
- 3 Depende sa uri ng konsultasyon, maaaring may ilang kaso na hindi mahawakan o maimbestigahan.



だれが相談や救済の申立てができますか

人権侵害を受けている本人だけでなく、家族や友達、知人、第三者でも相談や救済の申立てができます。



■ 누가 불만이나 소송을 제기할 수 있는가 ?

인권 침해를 받고 있는 본인뿐만 아니라 가족이나 친구, 지인, 제 3 자도 상담이나 구제 신청을 할 수 있습니다 .

■ 誰可以諮詢，或要求補救？

不仅受害者本人可以向本机构提出申诉，而且受害人的家人、朋友或第三者也可以提出补救或申诉。

■ Who can lodge a complaint or claim ?

Not only the person whose human rights have been violated, but a family member, friend or neighbor of the victim can also lodge a complaint or seek assistance with this program.

■ ¿Quién puede realizar consultas o solicitar asistencia?

No solo la persona que ha sufrido la vulneración de sus derechos puede hacer una consulta o solicitud de asistencia, sino también su familia, amigos, conocidos o incluso terceros.

■ Quem pode fazer uma reclamação?

Não somente a pessoa cujos direitos humanos foram violados, mas também o membro da família, amigo ou vizinho da vítima ou um terceiro poderá fazer a reclamação ou denúncia ao grupo.

■ Ai có thể yêu cầu tư vấn hoặc nộp đơn đề nghị trợ giúp?

Không chỉ những người bị vi phạm quyền nhân quyền trực tiếp, mà gia đình, bạn bè, người quen, hoặc các bên thứ ba cũng có thể nộp đơn tư vấn hoặc đề nghị trợ giúp.

■ Sino ang Maaaring Kumonsulta o Maghain ng Kahilingan para sa Lunas?

Hindi lamang ang taong nakakaranas ng paglabag sa karapatang pantao kundi pati ang kanilang pamilya, kaibigan, kakilala, o ikatlong partido ay maaaring kumonsulta o maghain ng kahilingan para lunas.

相談や救済の申立ての方法や費用は

■ 불만 및 소송을 제기하는 방법과 비용은 ?

■ 如何提出諮詢，其方法和費用呢？

■ Method for lodging complaints and claims

■ Cómo realizar una consulta o solicitar asistencia y cuál es su costo

■ Método de fazer reclamação ou consultas

■ Cách thức nộp đơn tư vấn hoặc đề nghị trợ giúp và chi phí

■ Paano Kumonsulta o Maghain ng Kahilingan para sa Lunas at mga Gastos

1 相談の電話番号は

여러분은 문제 해결을 위해 전화로 옴부즈만에게 불만이나 소송을 제기할 수 있습니다 .

你可以通过电话向监察员提出补救和申诉。

You can lodge a complaint or claim for relief with an ombudsperson by telephone:

Números de teléfono para consultas:

Você pode fazer reclamações ou consultas com um mediador por telefone.

Số điện thoại tư vấn

Numero ng Telepono sa Pagkonsulta

子どもの人権侵害

어린이 인권 침해

侵犯儿童权益的申诉或补救要求

Violation of children's human rights Phone

Para vulneraciones de los derechos de los niños

Violação dos direitos humanos de crianças Fone

Xâm phạm nhân quyền liên quan đến trẻ em

Para sa mga Paglabag sa Karapatang Pantao ng mga Bata

☎ 0120-813-887 (子ども専用・通話料無料)

☎ 044-200-1460 (大人の方向)

男女平等にかかわる人権侵害

남녀 평등과 관련된 인권 침해

侵犯男女平等权益的申诉或补救要求

Violation of human rights relating to gender equality Phone

Para violaciones de los derechos relacionados con la igualdad de género

Violação dos direitos humanos relacionados com igualdade de sexo Fone

Xâm phạm nhân quyền liên quan bình đẳng giới

Para sa Mga Paglabag sa Karapatang Pantao na May Kaugnayan sa Pagkapatang-pantay ng Kasarian

☎ 044-200-1461

2 相談・救済の申立ての費用は無料です。

상담·구제 신청 비용은 무료입니다 .

我们将免费向你提供咨询，指导你如何进行控告和提出补救要求。

Consultation on the lodged complaint and claim is provided free of charge.

Las consultas y solicitudes de asistencia son completamente gratuitas.

As reclamações de consultas são gratuitas.

Miễn phí tư vấn và nộp đơn đề nghị trợ giúp.

Ang mga kahilingan sa konsultasyon at para sa Lunas ay walang bayad.

3 相談の内容、氏名など秘密は守られます。相談や救済の申立てをしたことを周囲に知られる心配はありません。

불만 또는 소송의 내용과 신청자의 프라이버시는 비밀로 보호되며 여러분의 가족이나 친구 모르게 옴부즈만 프로그램과 상담할 수도 있습니다 .

本监察机构保证咨询人的秘密，咨询的内容，你的咨询和申诉不会让你的周围的人知道。

The content of the complaint or claim and the privacy of the claimant are protected. You may consult with the ombudspersons program in total confidentiality from family and friends

La información proporcionada en la consulta, así como el nombre del solicitante, se mantendrán en estricta confidencialidad. No hay riesgo de que el hecho de haber realizado una consulta o solicitado asistencia sea conocido por otras personas.

Tudo que se refere ao conteúdo da consulta e a privacidade da pessoa serão mantida em sigilo. Você pode fazer uma consulta sem que a sua família ou amigos saibam.

Nội dung tư vấn, thông tin về người yêu cầu, v.v... sẽ được giữ bí mật. Bạn không cần lo lắng về việc yêu cầu tư vấn hoặc nộp đơn đề nghị trợ giúp sẽ bị người khác phát hiện.

Ang personal na impormasyon, kabilang ang mga detalye ng konsultasyon at mga pangalan, ay pinananatiling kumidensyal. Walang dapat ipag-alala tungkol sa posibilidad na malaman ng iba na humingi ka ng konsultasyon o naghain ng kahilingan para sa lunas.

4 相談日は

상담이 가능한 일자와 시간은 다음과 같습니다

咨询日和時間如下：

Consultation is provided on the following days

Días y horarios de atención

As consultas são fornecidas nos seguintes dias

Ngày tiếp nhận tư vấn

Kailan ang petsa ng konsultasyon

相 談 日

상담 요일
咨询日
Consultation Day
Días de consulta
Día de consulta
Ngày tiếp nhận tư vấn
Petsa ng konsultasyon

受 付 時 間

상담 시간
咨询时间
Office Hours
Horarios de atención
Horário de atendimento
Thời gian tiếp nhận
Mga Oras ng Pagtanggap

月・水・金

월, 수, 금
星期一、星期三、星期五
Mon, Wed, and Fri
Lunes, miércoles y viernes
Seg., que. Sex.
Thứ Hai, thứ Tư, thứ Sáu
Lunes, Miyerkules, Biyernes

13 : 00 ~ 19 : 00

土

토
星期六
Sat
Sábados
Sáb.
Thứ Bảy
Sabado

9 : 00 ~ 15 : 00

日曜・祝日・年末年始は休みです。

일요일, 국경일 및 연말연시 연휴는 휴무입니다.

星期日、节日和年末年始休息。

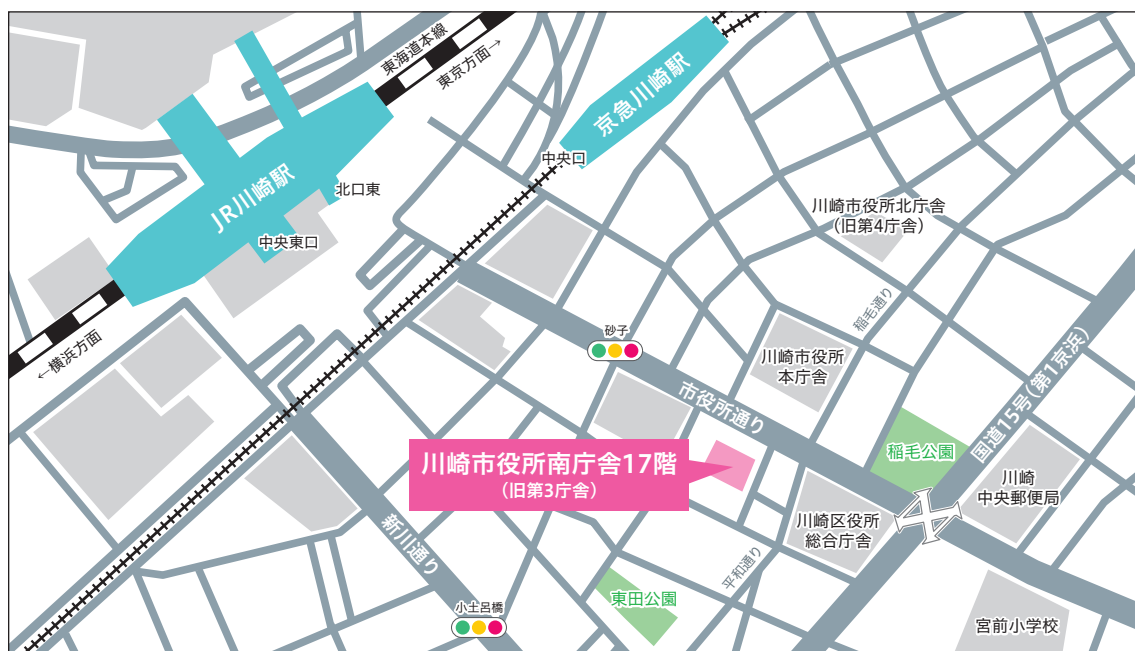
The Consultation Office is closed on Sundays, national holidays and New Year holidays.

No hay atención los domingos, festivos y durante las vacaciones de fin de año y Año Nuevo.

O escritório de consulta fecha aos domingos, feriados nacionais e feriados de ano novo.

Không làm việc Chủ nhật - ngày lễ - ngày đầu/cuối năm.

Sarado tuwing Linggo, mga pampublikong pista opisyal, at mga pista opisyal sa katapusan ng taon/Bagong Taon.



川崎市 市民オンブズマン事務局 人権オンブズパーソン担当

〒210-8577 川崎区宮本町1番地

電話 044-200-1462 FAX 044-245-8281